

Bản án số: 128/2024/HS-ST

Ngày: 26-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Hải Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Thu Hoài; ông Đỗ Xuân Hoài

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 và Thông báo chuyển lịch xét xử số 86/2024/TB-TA ngày 08/11/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị N - tên gọi khác: không; sinh ngày 05/9/1992, tại M, Quảng Ninh; nơi đăng ký NKTT: tổ A, khu A, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: số D phố V, khu B, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Thị Đ; có chồng là Hà Trung D và có 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Văn T - tên gọi khác: không; sinh ngày 01/01/1988, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký NKTT: khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: khu C, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trung M và bà Vũ Thị H; chưa có vợ và có 01 con; tiền sự: không;

- Tiền án:

+ Ngày 29/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 10/7/2013 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 14/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 27/01/2022, chấp hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân: Ngày 20/9/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 24 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 20/3/2008 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

3. Họ và tên: Vũ Thị Út L1 - tên gọi khác: không; sinh ngày 16/12/1999, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký NKTT: thôn C, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: số D phố V, khu B, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 và bà Đào Thị P; chưa có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thị N: Luật sư Mai Thị L2, Công ty L3, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Mai Thế V, sinh ngày 29/9/1994; nơi cư trú: khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

+ Anh Trần Văn S, sinh ngày 23/6/1989; nơi cư trú: thôn A, đội A, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

+ Anh Vũ Đức V1, sinh ngày 25/8/1983; nơi cư trú: khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 10/4/2024, tại khu vực đường T, thuộc Khu D, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Công an phường K, thành phố M bắt quả tang Hoàng Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng. Vật chứng thu giữ: 01 phong bao lì xì màu đỏ do T vất xuống đất, bên trong có 03 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy Ketamine, có tổng khối lượng là 2,07 gam.

Tiếp tục đến khoảng 21 giờ 50 phút ngày 16/4/2024, tại khu vực đầu đường Đ thuộc Thôn I, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Công an tỉnh Q phối hợp với Công an thành phố M kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Thị N (bạn gái của Hoàng Văn T) có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, mục đích để bán. Vật chứng thu giữ: T2 trong chiếc khẩu trang Nhâm đang đeo 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,277 gam. Nguồn gốc số ma túy này, N khai là của Hoàng Văn T.

Cùng ngày 16/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở chung của Nguyễn Thị N, Hoàng Văn T tại số D V, thuộc Khu B, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vật chứng thu giữ:

- Thu trong bó hoa trên kệ cạnh tivi, trong tạp dề treo cạnh tủ bếp, trên thành cửa sổ tầng một có 06 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 02 túi nilon bên trong 12 viên nén màu vàng, kết quả giám định đều là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 38,892 gam.

- Thu trong chậu cây cảnh và trên kệ cạnh tivi tầng một có 03 túi nilon bên trong chất tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy Ketamine, có khối lượng 3,615 gam.

Tại thời điểm khám xét nơi ở của N và T, có mặt Vũ Thị Út L1 và Mai Thế V (đều là bạn của N đến chơi). Trong đó, L1 là người đã 01 lần giúp N bán ma túy trái phép.

(Kết luận giám định số 549/KL-KTHS ngày 23/4/2024, của Phòng K Công an tỉnh Q).

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Ngày 02/4/2024, Hoàng Văn T liên lạc qua mạng xã hội Telegram đặt mua của nam thanh niên tên Đ1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) 50 gam ma túy Methamphetamine với giá 60.000.000 đồng, 15 gam Ketamine với giá 15.000.000 đồng, 20 viên thuốc lắc (15 viên màu vàng, 05 viên màu xám) với giá 6.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Chiều ngày 03/4/2024, Đ1 cất giấu ma túy trong hộp giấy và gửi qua xe khách về bến xe thành phố M cho T. Sau khi nhận được ma túy, T mang về phòng ngủ tầng hai của mình tại số D phố V thuộc Khu B, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cất giấu để sử dụng và đã tự sử dụng một phần. Đến ngày 10/4/2024, T cầm 03 túi nilon chứa ma túy Ketamine (2,07 gam) đến khu vực đường T, thuộc Khu D, phường K, thành phố M tìm nơi sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an thành phố M phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng.

Số ma túy còn lại, T giấu ở ngăn kéo tủ quần áo trong phòng ngủ tại nơi ở của T chưa kịp sử dụng, thì đến chiều ngày 16/4/2024, sau khi T bị bắt, trong lúc dọn dẹp phòng ngủ của T, Nguyễn Thị N đã phát hiện số ma túy này và mang về phòng ngủ của N cất giấu để bán kiếm lời. Trong đó, N đã bán cụ thể như sau:

- Từ ngày 13 đến ngày 16/4/2024, tại cửa nhà số H đường Đ và khu vực đối diện khách sạn C, đều thuộc phường T, thành phố M, N đã 03 lần bán cho Trần Văn S (sinh năm 1989, trú tại Thôn A, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) tổng cộng 05 gam Ketamine với số tiền là 8.400.000 đồng. Sáu thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản từ tài khoản số 0865300102 của Sáu mở tại Ngân hàng M1, đến tài khoản số 8881746102 của Nhâm mở tại Ngân hàng B. Số ma túy trên, S đã mang về sử dụng hết.

- Từ ngày 10 đến ngày 16/4/2024, tại nơi ở của N, N đã bán cho Phạm Đức H1 (sinh năm 1994, trú tại khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) 04 lần tổng cộng 1,2 gam ma túy Methamphetamine, với tổng số tiền là 3.910.000 đồng. H1 thanh toán bằng chuyển khoản từ tài khoản số 0396865865 của H1 mở tại Ngân hàng M1, đến tài khoản Ngân hàng B trên hoặc tài khoản số 0966283391 mở tại Ngân hàng V2 của N. Sau khi nhận được tiền, N gọi điện thoại cho H1 đến lấy và N đứng trên phòng trọ tầng 2 thả ma túy xuống cho H1. Số ma túy trên, H1 đã tự sử dụng hết.

- Vũ Thị Út L1 là bạn bè xã hội của N. N đã thỏa thuận với L1 nếu L1 bán được ma túy thì N dùng tiền bán ma túy để tổ chức sinh nhật cho L1. Buổi sáng ngày 16/4/2024, L1 gọi điện thoại cho N bảo có bạn là Vũ Đức V1 muốn mua 01 gam Ketamine, N đồng ý bán cho V1 với giá 2.000.000 đồng. L1 cho Vĩnh số điện thoại của N để Vĩnh tự gọi điện trao đổi. Khi thỏa thuận xong giá cả và địa điểm giao nhận ma túy, V1 nhờ Nguyễn Hữu T3 (sinh năm 1983, trú tại Tổ G, Khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) thanh toán tiền mua ma túy bằng chuyển khoản, từ tài khoản số 0344518838 của T3 mở tại Ngân hàng M1 đến tài khoản số 1018162845 của Nhâm mở tại Ngân hàng S1. Sau khi nhận được tiền, N cất giấu ma túy ở chậu cây cảnh trước cửa nhà trọ của mình và gọi điện thoại chỉ dẫn vị trí cho V1 đến lấy. Số ma túy trên, V1 đã mang về tự sử dụng hết.

Hồi 21 giờ 40 phút ngày 16/4/2024, N mang theo 0,277 gam Methamphetamine đến khu vực đầu đường Đ thuộc Thôn I, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, mục đích để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng. Số ma túy còn lại (38,892 gam Methamphetamine và 3,615 gam Ketamine), N cất giấu tại nơi ở để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị N và Vũ Thị Út L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 5208/CT-VKSQN-P1 ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Vũ Thị Út L1 về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Thị Út L1 thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Hoàng Văn T thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là đúng, không bị oan vì các bị cáo có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo khẳng định hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như mô tả trong bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là chính xác, khách quan và tự nguyện không bị ép buộc.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Thị Út L1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 16 đến 17 năm tù; áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 11 đến 12 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật

Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị Út L1 từ 24 đến 30 tháng tù; đề nghị xử lý án phí; vật chứng theo quy định của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N phát biểu quan điểm: Luật sư đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố về tội danh, điều luật. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo lần đầu phạm tội do lòng tham khi thấy ma túy của T nên bộc phát ý định bán kiếm lời. Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, truy tố và tự khai số lần bán ma túy; con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân chưa có việc làm. Đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; Luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của những người chứng kiến. Căn cứ vào vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, các kết luận giám định, kết quả nhận dạng, các dữ liệu điện tử và một số chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ 02/4/2024 đến ngày 16/4/2024, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh: bị cáo Hoàng Văn T tàng trữ trái phép 11,256 gam Ketamine; 40,569 gam Methamphetamine và 0,429 gam MDMA, mục đích để sử dụng. Bị cáo Nguyễn Thị N 08 lần bán trái phép cho Trần Văn S, Phạm Đức H1, Vũ Đức V1 tổng cộng 06 gam Ketamine và 1,2 gam Methamphetamine; tàng trữ trái phép 39,169 gam Methamphetamine, 3,186 gam Ketamine và 0,429 gam MDMA, mục đích để bán. Tổng số ma túy N đã bán và tàng trữ trái phép để bán là 40,369 gam Methamphetamine; 9,186 gam Ketamine và 0,429 gam MDMA. Bị cáo Vũ Thị Út L1 đã giúp sức cho Nguyễn Thị N bán trái phép 01 gam Ketamine cho Vũ Đức V1.

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại nhiều mặt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, là nguồn phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù

nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì ý thức chấp hành pháp luật kém, các bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Hoàng Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Vũ Thị Út L1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét vai trò các bị cáo: Đối với bị cáo Hoàng Văn T thực hiện hành vi phạm tội độc lập, do vậy phải tự chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy mà mình tàng trữ.

Đối với Nguyễn Thị N và Vũ Thị Út L1, các bị cáo thực hiện hành vi có tính chất đồng phạm, trong đó Nguyễn Thị N là người tìm được ma túy và tự mình bán cho nhiều người, Vũ Thị Út L1 giới thiệu người mua ma túy cho Nhâm 1 lần nên N giữ vai trò chính và cao hơn L1.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Văn T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị N bán ma túy nhiều lần cho nhiều người nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về số tiền do phạm tội mà có: quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo Nguyễn Thị N bán ma túy nhiều lần, thu lời tổng số tiền 14.310.000đ (mười bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng). Đây là tiền thu lời bất chính, do vậy cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Ngoài hình phạt chính không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo đều không có thu nhập, việc làm ổn định.

[8] Về vật chứng: quá trình điều tra có thu giữ 02 phong bì niêm phong chứa ma túy thu giữ của Hoàng Văn T, Nguyễn Thị N hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone kèm 01 sim, 01 phong bao lì xì màu đỏ, một mặt có chữ nước ngoài màu vàng tạm giữ của Hoàng Văn T; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị N, 02 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO) kèm 02 sim, 01 khẩu trang màu đen, 02 gói giấy màu đỏ, 01 cân điện tử màu nâu, 19 vỏ túi nilon, 01 camera vỏ màu trắng, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tạm giữ của Nguyễn Thị N; 01 thẻ căn

cước công dân mang tên Vũ Thị Út L1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone kèm 03 sim tạm giữ của Vũ Thị Út L1.

Đối với số ma túy hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy;

Số điện thoại di động thu của Hoàng Văn T, Nguyễn Thị N, Vũ Thị Út L1, các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với các giấy tờ cá nhân như căn cước công dân của Nguyễn Thị N, căn cước công dân của Vũ Thị Út L1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với các đồ vật như: 01 phong bao lì xì màu đỏ; 01 khẩu trang màu đen; 02 gói giấy màu đỏ; 01 cân điện tử màu nâu; 10 vỏ túi nilon; 01 camera màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và tất cả sim điện thoại di động, xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với Vũ Đức V1, Trần Văn S là những người mua ma túy của Nguyễn Thị N để sử dụng, cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nguyễn Hữu T3 là người được Vũ Đức V1 nhờ sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển thanh toán tiền V1 mua ma túy cho N, nhưng T3 không biết V1 nhờ chuyển khoản để mua ma túy, nên không có căn cứ xử lý;

Đối tượng tên Đ1 bán ma túy cho T theo lời khai của T, nhưng không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để làm rõ xử lý;

Nguyễn Thị N để cho Mai Thế V sử dụng ma túy tại nơi ở của N, nhưng do V đến nhà N chơi và tự vào phòng ở của N lấy ma túy sử dụng, N không biết, nên không có căn cứ xử lý với N về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Thị Út L1 phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2024.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị Út L1 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu phát mại sung nộp ngân sách Nhà nước 04 chiếc điện thoại di động.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ Toàn bộ số ma túy trong 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng sau giám định số 501/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh Q (bên trong có chứa: 1,92 gam Ketamine và các vỏ bao gói, thể hiện tại Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 21/4/2024 giữa phòng K Công an tỉnh Q và cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M) và toàn bộ số ma túy trong 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng sau giám định số 549/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh Q (bên trong có chứa: 39,169 gam Methamphetamine; 3,186 gam Ketamine; 0,429gam MDMA và các vỏ bao gói thể hiện tại Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 25/4/2024 giữa phòng K Công an tỉnh Q và cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q);

+ 01 phong bao lì xì màu đỏ; 01 khẩu trang màu đen; 02 gói giấy màu đỏ; 01 cân điện tử màu nâu; 19 vỏ túi nilon; 01 camera màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 chai nhựa loại 350ml, nắp chai màu trắng được đục hai lỗ gắn ống thủy tinh, ống hút nhựa và tất cả sim điện thoại di động.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị N 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị N; trả lại bị cáo Vũ Thị Út L1 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Út L1.

(Tình trạng vật chứng như được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 09 ngày 22/10/2024 giữa Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ninh với Cơ quan cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Q).

- Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp lại số tiền 14.310.000đ (mười bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị N, Hoàng Văn T, Vũ Thị Út L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: án xử công khai, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Cấp Cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Quảng Ninh;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hải Toàn